

Số: 24/2022/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 08 tháng 7 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI  
KHOÁ XII, KỲ HỌP THỨ SÁU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình 1254/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 122/BC-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều

chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Người nộp phí: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

b) Tổ chức thu phí: Chi cục Bảo vệ Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai; Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## Điều 2. Mức thu phí

Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

## Điều 3. Kỳ kê khai, nộp, quản lý, sử dụng phí, tỷ lệ để lại

1. Người nộp phí thực hiện kê khai, nộp phí theo từng lần phát sinh.

2. Chậm nhất là ngày 05 tháng sau, tổ chức thu phí phải gửi lại số tiền phí thu được của tháng trước vào Tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước.

3. Tổ chức thu phí được để lại 80% tổng số tiền phí thu được.

4. Việc quản lý, sử dụng phí theo quy định hiện hành.

## Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khoá XII Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 7 năm 2022./.

### Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tài chính; Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT - HĐND.

CHỦ TỊCH



Hồ Văn Niên



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Phụ lục**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND  
ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

Đơn vị tính: đồng/bộ hồ sơ

| STT | Nội dung   | Mức thu phí thẩm định  |  |
|-----|--|--|--|
|     |  | Thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh   | Thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp huyện                                    |
| 1   | Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường   | 10.000.000   |  |
| 2   | Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường   | 10.000.000   |  |
| 3   | Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường  |  |  |
| a   | Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường (Trường hợp có đi kiểm tra thực địa và tổ chức Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định)               | 9.200.000  | 6.400.000  |
| b   | Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường (Trường hợp không tổ chức đi kiểm tra thực địa và có tổ chức Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định) | 6.300.000  | 4.700.000  |
| c   | Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường (Trường hợp không tổ chức Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định)                                    | 6.000.000  | 4.000.000  |
| d   | Phí thẩm định cấp lại giấy phép môi trường   | Bằng mức thu phí thẩm định cấp giấy phép môi trường lần đầu tại điểm a, b, c mục này       | Bằng mức thu phí thẩm định cấp giấy phép môi trường lần đầu tại điểm a, b, c mục này       |
| đ   | Phí thẩm định điều chỉnh giấy phép môi trường  | Bằng 30% mức thu phí thẩm định cấp giấy phép môi trường lần đầu tại điểm a, b, c khoản này | Bằng 30% mức thu phí thẩm định cấp giấy phép môi trường lần đầu tại điểm a, b, c khoản này |

